

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 41

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	
Ông David Alexander Newbigging	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên	
Ông Andrian Teng Wei Ann	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Đặng Hồng Tân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Andrian Teng Wei Ann	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Mai Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60752771/20155373/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018, và được trình bày từ trang 5 đến trang 41 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 10 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		942.232.288.499	1.095.616.099.987
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	671.490.113.895	801.998.697.563
111	1. Tiền		78.990.113.895	87.598.697.563
112	2. Các khoản tương đương tiền		592.500.000.000	714.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	11	80.077.594.449	178.974.670.993
121	1. Chứng khoán kinh doanh		91.318.009.500	37.145.104.630
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(11.240.415.051)	(8.414.878.081)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	150.244.444.444
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		190.664.580.155	107.853.839.048
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.220.929.216	23.047.811.029
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	35.841.724.416	87.158.749
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	141.850.587.048	84.967.529.795
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(248.660.525)	(248.660.525)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	6.788.892.383
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	943.381.623
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	5.845.510.760
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.587.181.615.539	8.251.177.335.803
220	I. Tài sản cố định		14.043.085.602	14.677.649.829
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.743.532.191	6.176.279.218
222	Nguyên giá		21.585.929.480	21.412.929.480
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.842.397.289)	(15.236.650.262)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	8.299.553.411	8.501.370.611
228	Nguyên giá		15.135.432.540	15.135.432.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.835.879.129)	(6.634.061.929)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	473.156.548.876	493.612.232.643
231	1. Nguyên giá		999.065.511.222	999.065.511.222
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(525.908.962.346)	(505.453.278.579)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		51.455.887.368	45.410.800.699
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		51.455.887.368	45.410.800.699
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	8.038.905.020.940	7.686.613.767.770
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.636.856.598.318	2.387.856.598.318
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.540.407.319.807	4.503.378.772.611
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		950.980.099.503	1.006.876.054.773
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(89.338.996.688)	(211.497.657.932)
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.621.072.753	10.862.884.862
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.935.793.761	8.554.965.547
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	1.685.278.992	2.307.919.315
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.529.413.904.038	9.346.793.435.790

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.164.671.521.516	2.326.470.282.188
310	I. Nợ ngắn hạn		372.302.031.225	416.128.265.202
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.219.527.747	23.029.950.131
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.802.920.634	2.663.764.806
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	21.342.648.121	1.030.866.224
314	4. Phải trả người lao động		-	1.184.420.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	34.557.694.266	35.868.838.420
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		450.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	48.100.285.025	52.557.656.611
320	8. Vay ngắn hạn	16	261.350.261.923	299.314.075.501
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		478.693.509	478.693.509
330	II. Nợ dài hạn		1.792.369.490.291	1.910.342.016.986
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	132.495.651.136	121.540.767.240
338	2. Vay dài hạn	16	1.659.873.839.155	1.788.801.249.746
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.364.742.382.522	7.020.323.153.602
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	7.364.742.382.522	7.020.323.153.602
411	1. Vốn cổ phần		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(83.026.660)	(83.026.660)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.013.024.177.144	2.668.604.948.224
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.172.523.466.624	1.607.417.002.222
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		840.500.710.520	1.061.187.946.002
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.529.413.904.038	9.346.793.435.790

Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.1	269.610.706.239	266.451.502.470
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	19, 22	(78.857.550.910)	(77.274.085.268)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		190.753.155.329	189.177.417.202
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	677.303.215.000	550.572.131.281
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	20	42.399.211.711 (75.278.213.308)	(133.968.430.608) (34.362.478.179)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21, 22	(25.875.357.117)	(31.388.017.842)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		884.580.224.923	574.393.100.033
31	8. Thu nhập khác		3.609.095.843	2.687.070.395
32	9. Chi phí khác		(763.585.222)	(846.540.946)
40	10. Lợi nhuận khác		2.845.510.621	1.840.529.449
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		887.425.735.544	576.233.629.482
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(46.302.384.701)	(7.362.728.632)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(622.640.323)	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		840.500.710.520	568.870.900.850

Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		887.425.735.544	576.233.629.482
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	21.263.247.994	23.331.342.603
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(119.333.124.274)	(9.161.141.787)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(96.343.108)	(6.409.981)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(677.050.867.447)	(546.918.219.852)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	20	76.070.213.308	34.362.478.179
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		188.278.862.017	77.841.678.644
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(11.504.203.875)	1.955.539.625
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(25.441.393.286)	6.947.463.437
12	Giảm chi phí trả trước		619.171.786	-
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(54.172.904.870)	108.354.785.940
14	Tiền lãi vay đã trả		(76.591.105.462)	(34.922.905.712)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.099.831.200)	(33.290.266.927)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(6.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.088.595.110	126.880.295.007
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(6.218.086.669)	(9.698.879.576)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	1.659.090.909
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(50.000.000.000)	-
24	Thu tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ngân hàng		200.244.444.444	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(286.028.547.196)	(127.942.695.443)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		74.826.772.000	33.411.824.522
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		594.006.767.916	525.645.384.997
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		526.831.350.495	423.074.725.409
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		150.010.000.000	629.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(317.693.224.169)	(388.891.081.315)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(490.543.124.080)	(491.545.138.880)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(658.226.348.249)	(251.436.220.195)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(130.306.402.644)	298.518.800.221
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		801.998.697.563	196.891.317.007
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(202.181.024)	(3.192.484)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	671.490.113.895	495.406.924.744



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo GCNĐKKD điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 33 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 33 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cho thuê (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng và được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

• *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	68.577.346	95.340.445
Tiền gửi ngân hàng	78.921.536.549	87.503.357.118
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>592.500.000.000</u>	<u>714.400.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>671.490.113.895</u>	<u>801.998.697.563</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 3,9% đến 5,5%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty TNHH Robert Bosch Việt Nam	6.714.002.881	463.287.000
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Taisei – Vinaconex	-	17.035.605.267
Khách hàng khác	<u>6.506.926.335</u>	<u>5.548.918.762</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.220.929.216</u>	<u>23.047.811.029</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(248.660.525)	(248.660.525)
Trong đó:		
<i>Phải thu các bên khác</i>	13.220.929.216	23.047.811.029

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>(248.660.525)</u>	<u>(248.660.525)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán	34.680.941.330	87.158.749
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Central</i>	33.988.086.439	-
<i>Khác</i>	692.854.891	87.158.749
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	1.160.783.086	-
TOTAL	35.841.724.416	87.158.749

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu cổ tức	77.490.032.000	-
Tạm ứng đầu tư dự án	60.458.598.071	67.943.225.152
Phải thu từ việc thực hiện dịch vụ	2.376.334.703	2.201.507.181
Phải thu lãi tiền gửi	1.431.335.616	3.054.564.815
Phải thu từ việc bán các khoản đầu tư	-	11.753.520.000
Phải thu khác	94.286.658	14.712.647
TỔNG CỘNG	141.850.587.048	84.967.529.795
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác (Thuyết minh số 24)</i>	65.455.674.432	2.201.507.181
<i>Phải thu bên liên quan</i>	76.394.912.616	82.766.022.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	15.535.842.267	5.495.528.464	381.558.749	21.412.929.480
Mua mới	-	-	173.000.000	173.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	15.535.842.267	5.495.528.464	554.558.749	21.585.929.480
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	3.605.254.100	1.358.505.318	309.758.749	5.273.518.167
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	11.935.147.055	2.944.233.785	357.269.422	15.236.650.262
Khấu hao trong kỳ	238.611.764	344.751.929	22.383.334	605.747.027
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	12.173.758.819	3.288.985.714	379.652.756	15.842.397.289
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.600.695.212	2.551.294.679	24.289.327	6.176.279.218
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.362.083.448	2.206.542.750	174.905.993	5.743.532.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	11.592.038.449	3.543.394.091	15.135.432.540
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.298.494.091	3.298.494.091
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 16)</i>	135.576.000	-	135.576.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.172.301.172	3.461.760.757	6.634.061.929
Hao mòn trong kỳ	161.000.533	40.816.667	201.817.200
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.333.301.705	3.502.577.424	6.835.879.129
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	8.419.737.277	81.633.334	8.501.370.611
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	8.258.736.744	40.816.667	8.299.553.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	764.643.570.124	233.785.237.643	90.250.454	546.453.001	999.065.511.222
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	82.081.783.756	79.097.286.523	90.250.454	546.453.001	161.815.773.734
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 16)</i>	247.548.592.704	99.503.698.377	-	-	347.052.291.081
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	316.346.475.658	188.470.099.466	90.250.454	546.453.001	505.453.278.579
Khấu hao trong kỳ	12.660.313.423	7.795.370.344	-	-	20.455.683.767
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	329.006.789.081	196.265.469.810	90.250.454	546.453.001	525.908.962.346
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	448.297.094.466	45.315.138.177	-	-	493.612.232.643
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	435.636.781.043	37.519.767.833	-	-	473.156.548.876

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 11.1)	91.318.009.500	37.145.104.630
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 11.1)	(11.240.415.051)	(8.414.878.081)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	150.244.444.444
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	80.077.594.449	178.974.670.993
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2)	2.636.856.598.318	2.387.856.598.318
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.3)	4.540.407.319.807	4.503.378.772.611
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.4)	950.980.099.503	1.006.876.054.773
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 11.4)	(89.338.996.688)	(211.497.657.932)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.038.905.020.940	7.686.613.767.770
TỔNG CỘNG	8.118.982.615.389	7.865.588.438.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Công ty Cổ phần Điện Lực R.E.E	7.815.990.000	(4.971.934.367)	2.844.055.633	7.815.990.000	(4.971.934.367)	
Công ty Cổ phần Măng Cảnh	5.886.400.000	(2.780.480.683)	3.105.919.317	5.886.400.000	(2.780.480.683)	3.105.919.317	
Các khoản đầu tư khác	77.615.619.500	(3.488.000.001)	74.127.619.499	23.442.714.630	(662.463.031)	22.780.251.599	
TỔNG CỘNG	91.318.009.500	(11.240.415.051)	80.077.594.449	37.145.104.630	(8.414.878.081)	28.730.226.549	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	VND	(%)	VND		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	100,00	750.000.000.000	100,00	501.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	100,00	6.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Transorient Pte. Ltd.	100,00	5.841.857.500	100,00	5.841.857.500	Singapore	Thương mại và hậu cần
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99,99	149.997.353.000	99,99	149.997.353.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	99,99	149.992.500.000	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	99,97	650.592.000.000	99,97	650.592.000.000	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Việt Nam	99,97	200.000.000	99,97	200.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	99,96	5.128.562.025	99,96	5.128.562.025	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh	66,29	56.252.866.009	66,29	56.252.866.009	Trà Vinh - Việt Nam	Kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	60,42	655.239.489.784	60,42	655.239.489.784	Yên Bái - Việt Nam	Thủy điện
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	50,61	207.611.970.000	50,61	207.611.970.000	Hà Nội - Việt Nam	Bất động sản
TỔNG CỘNG		<u>2.636.856.598.318</u>		<u>2.387.856.598.318</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.4 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
	(%)	VND	(%)	VND	
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	21,01	698.671.397.963	21,01	698.671.397.963	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (ii)	21,34	573.046.664.647	20,07	532.551.381.701	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	42,63	382.178.855.776	42,63	382.178.855.776	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	25,76	368.000.000.000	25,76	368.000.000.000	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng Idico	34,30	173.265.171.175	34,30	173.265.171.175	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	25,47	59.910.716.000	25,47	59.910.716.000	Thủy điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (i)	23,36	780.041.489.908	23,36	780.041.489.908	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	24,61	55.515.588.342	24,61	55.515.588.342	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	25,00	40.750.000.000	25,00	40.750.000.000	Phong điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (iii)	35,88	689.506.527.290	34,68	692.973.263.040	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	42,10	409.901.420.000	42,07	409.901.420.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32,00	76.800.000.000	32,00	76.800.000.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	44,17	68.375.426.417	44,17	68.375.426.417	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	30,00	45.000.000.000	30,00	45.000.000.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	20,02	40.176.895.080	20,02	40.176.895.080	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	20,05	24.809.965.209	20,05	24.809.965.209	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	28,87	54.457.202.000	28,87	54.457.202.000	Bất động sản
TỔNG CỘNG		4.540.407.319.807		4.503.378.772.611	

(i) 74.896.260 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty được dùng để làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thương trong nước (Thuyết minh số 16.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.4 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-CHP-ĐHCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung ("CHP") đã thống nhất thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 26% bao gồm: thanh toán 16% bằng tiền mặt và 10% bằng phát hành cổ phiếu. Vào ngày 22 tháng 6 năm 2018, CHP đã chốt danh sách để thanh toán số cổ tức nêu trên. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ của CHP tăng từ 25.292.185 cổ phiếu lên 29.580.473 cổ phiếu trong đó số cổ phiếu nhận được từ đợt phát hành là 2.688.918 cổ phiếu.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco") đã thống nhất thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt. Ngoài ra, Cổ đông Viwasupco cũng đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), nguồn vốn để phát hành là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 sau khi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%.
- Vào ngày 29 tháng 5 năm 2018, Công ty nhận được số tiền là 26.010.000.000 VND từ Viwasupco do thanh toán cổ tức năm 2017. Hơn nữa, Công ty đã nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào Viwasupco vào ngày 22 tháng 12 năm 2017 và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn Chế độ Kế toán Việt Nam, trường hợp nếu cổ tức được chia từ khoản lợi nhuận lũy kế trước khi doanh nghiệp nhận chuyển nhượng khoản đầu tư đó thì được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Theo đó, Công ty đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Viwasupco với số tiền như trên.
 - Vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, Viwasupco đã chốt danh sách cổ đông để phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), nguồn vốn để phát hành là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ của Viwasupco tăng từ 17.340.000 cổ phiếu lên 26.910.000 cổ phiếu trong đó số lượng cổ phiếu nhận được từ đợt phát hành là 8.970.000 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	470.646.304.200	(7.707.421.200)	462.938.883.000	470.646.304.200	(125.546.409.600)	345.099.894.600
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	183.876.590.000	(65.270.792.539)	118.605.797.461	183.876.590.000	(73.737.556.000)	110.139.034.000	
Công ty Cổ phần Cấp nước Khánh Hòa	53.193.860.000	(2.842.420.000)	50.351.440.000	53.193.860.000	(2.842.420.000)	50.351.440.000	
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	10.455.253.223	(841.099.223)	9.614.154.000	48.162.917.187	-	48.162.917.187	
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	19.101.729.196	(6.191.653.996)	12.910.075.200	37.290.020.502	(4.068.154.102)	33.221.866.400	
Các khoản đầu tư dài hạn khác	213.706.362.884	(6.485.609.730)	207.220.753.154	213.706.362.884	(5.303.118.230)	208.403.244.654	
TỔNG CỘNG	950.980.099.503	(89.338.996.688)	861.641.102.815	1.006.876.054.773	(211.497.657.932)	795.378.396.841	

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẢN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả các bên khác	1.094.661.317	5.331.169.511
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	124.866.430	17.698.780.620
TỔNG CỘNG	1.219.527.747	23.029.950.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.845.510.760)	- 5.845.510.760
Phải trả		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	- 40.456.873.941	(20.099.831.200) 20.357.042.741
Thuế giá trị gia tăng	700.041.749	(27.030.373.312) 702.903.568
Thuế thu nhập cá nhân	330.824.475	(16.141.803.054) 282.701.812
Khác	-	(207.646.907) -
TỔNG CỘNG	(4.814.644.536)	83.791.436.370 (57.634.143.713) 21.342.648.121

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí lãi vay	33.681.533.328	34.992.677.482
Chi phí khác	876.160.938	876.160.938
TỔNG CỘNG	34.557.694.266	35.868.838.420
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	34.557.694.266	35.868.838.420

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	48.100.285.025	52.557.656.611
Cổ tức phải trả	35.933.111.856	30.394.754.336
Chi phí dịch vụ quản lý	4.667.996.573	6.904.990.279
Các khoản phải trả khác	7.499.176.596	15.257.911.996
Dài hạn	132.495.651.136	121.540.767.240
Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng	132.495.651.136	121.540.767.240
TỔNG CỘNG	180.595.936.161	174.098.423.851
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	175.927.939.588	167.193.433.572
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	4.667.996.573	6.904.990.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Nhận trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vay ngắn hạn	299.314.075.501	150.000.000.000	(317.693.224.169)	129.729.410.591	-	261.350.261.923
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	150.000.000.000	(150.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16.1)	299.314.075.501	-	(167.693.224.169)	129.729.410.591	-	261.350.261.923
Vay dài hạn	1.788.801.249.746	10.000.000	-	(129.729.410.591)	792.000.000	1.659.873.839.155
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 16.1)	796.325.249.746	10.000.000	-	(129.729.410.591)	-	666.605.839.155
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 16.2)	992.476.000.000	-	-	-	792.000.000	993.268.000.000
TỔNG CỘNG	2.088.115.325.247	150.010.000.000	(317.693.224.169)	-	792.000.000	1.921.224.101.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. VAY (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng và trái phiếu thường trong nước vào ngày lập báo cáo tài chính chịu lãi suất tương ứng từ 4,5% đến 9,4%/năm.

16.1 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn thể hiện như sau:

Khoản tín dụng số	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
VND			
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam			
VNM140408CM	134.993.243.936	Ngày 26 tháng 8 năm 2019	Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản thu từ cho thuê tại Tòa nhà REE, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà REE")
VNM 170276CM	459.642.857.142	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn			
0112.HDTD.625.15.VIB	22.200.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	Quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho thuê và cổ tức từ Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức theo Giấy chứng nhận cổ đồng số 004/CĐ-TDW
0100.HDTD.625.16.VIB	311.110.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho thuê và cổ tức từ công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức trong vòng 5 năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam			
SHBVN/BC/HDTD/REE/201805	10.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2026	Tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai của Công ty tại 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
TỔNG CỘNG	927.956.101.078		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn	666.605.839.155		
Vay dài hạn đến hạn trả	261.350.261.923		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Giá trị VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	950.000.000.000
Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	50.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.920.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.188.000.000
TỔNG CỘNG	<u>993.268.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	<i>993.268.000.000</i>

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu), số trái phiếu này được mua bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VCB") và Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ("VCBF").

Các trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành.

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau :

- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để (1) Đầu tư các dự án của Công ty; (2) tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, trái phiếu này được sở hữu bởi VCB và VCBF.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 74.896.260 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh số 11.4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	2.103.498.483.822	6.455.216.689.200
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	568.870.900.850	568.870.900.850
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(496.081.481.600)	(496.081.481.600)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.100.588.410.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(83.026.660)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>2.176.287.903.072</u>	<u>6.528.006.108.450</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	2.668.604.948.224	7.020.323.153.602
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	840.500.710.520	840.500.710.520
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(496.081.481.600)	(496.081.481.600)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.100.588.410.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>-(83.026.660)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>3.013.024.177.144</u>	<u>7.364.742.382.522</u>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2018/DHCD-NQ ngày 29 tháng 3 năm 2018, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 16% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 16% này, tương đương với 496.081.481.600 VND, vào ngày 1 tháng 3 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	310.058.841	310.058.841
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310.058.841	310.058.841
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(7.915)	(7.915)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310.050.926	310.050.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

17.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	496.081.481.600	496.081.481.600
Cổ tức đã trả trong kỳ	490.543.124.080	491.545.138.880

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng doanh thu	269.610.706.239	266.451.502.470
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan</i>	269.610.706.239	266.451.502.470
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	256.522.501.932	252.747.361.102
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	13.088.204.307	13.704.141.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Cổ tức được nhận	653.713.719.079	539.535.812.687
Lãi tiền gửi	16.159.851.638	6.849.285.406
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	7.300.917.753	4.113.104.427
Lãi chênh lệch tỷ giá	128.726.530	50.058.761
Khác	-	23.870.000
TỔNG CỘNG	<u>677.303.215.000</u>	<u>550.572.131.281</u>

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan	<u>78.857.550.910</u>	<u>77.274.085.268</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(119.333.124.274)	67.474.750.600
Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	76.070.213.308	34.362.478.179
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	569.921.353	31.939.067.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.116.553	23.630.267
Khác	285.661.349	168.504.287
TỔNG CỘNG	<u>(42.399.211.711)</u>	<u>133.968.430.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nhân viên	12.612.493.309	21.839.314.864
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.656.305.407	4.698.957.716
Chi phí khấu hao và hao mòn	627.635.693	643.179.026
Chi phí khác	7.978.922.708	4.206.566.236
TỔNG CỘNG	<u>25.875.357.117</u>	<u>31.388.017.842</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.878.244.016	59.284.879.407
Khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 8, 9 và 10</i>)	21.263.247.994	23.331.342.603
Chi phí nhân viên	12.612.493.309	21.839.314.864
Chi phí khác	7.978.922.708	4.206.566.236
TỔNG CỘNG	<u>104.732.908.027</u>	<u>108.662.103.110</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.302.384.701	7.362.728.632
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	622.640.323	-
TỔNG CỘNG	<u>46.925.025.024</u>	<u>7.362.728.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	887.425.735.544	576.233.629.482
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	177.485.147.109	115.246.725.896
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	182.621.731	23.165.273
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	<u>(130.742.743.816)</u>	<u>(107.907.162.537)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>46.925.025.024</u>	<u>7.362.728.632</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán sáu tháng khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	1.550.483.010	1.550.483.010	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(40.436.206)	5.628.117	(46.064.323)	-
Khác	<u>175.232.188</u>	<u>751.808.188</u>	<u>(576.576.000)</u>	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>1.685.278.992</u>	<u>2.307.919.315</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>(622.640.323)</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Vay	-	200.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	(2.115.555.555)
		Thu nhập cổ tức	104.699.231.923	105.600.076.810
		Doanh thu cho thuê	727.003.319	1.897.777.777
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức	42.063.576.556	10.032.883.575
		Doanh thu cho thuê	179.746.822	202.131.820
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(27.827.136.346)	(27.083.480.659)
		Doanh thu cho thuê	12.159.260.334	11.587.533.122
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức	7.797.600.000	1.949.400.000
		Doanh thu cho thuê	22.193.832	16.698.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con	Thu nhập cổ tức	49.874.718.400	38.365.168.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty con	Thu nhập cổ tức	74.704.309.200	28.576.074.240
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	10.467.816.000	6.280.689.600
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	2.249.100.000	2.998.800.000
Trans Orient Pte. Ltd.	Công ty con	Thu nhập cổ tức	-	197.637.096
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty con	Góp vốn	249.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	97.365.138.000	89.875.512.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	44.765.610.000	62.671.854.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	41.600.000.000	52.800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	43.329.650.000	43.329.650.000
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	46.948.120.000	42.253.308.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	5.691.277.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	4.749.150.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	3.379.248.000	2.628.304.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.745.680.000	1.527.470.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.714.219.200	1.333.281.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	41.425.696.000	28.363.496.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	11.843.880.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	26.010.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	6.750.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Ứng trước chi phí cải tạo văn phòng	1.160.783.086	-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.240.134.836	2.075.580.001
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	102.138.761	98.481.589
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	27.530.329	23.774.515
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.239.506	3.671.076
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	46.948.120.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	16.133.511.000	-
			65.455.674.432	2.201.507.181
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí dịch vụ lắp đặt	-	(17.035.605.268)
Công ty TNHH Quản lý và Khai Thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(124.866.430)	(663.175.352)
			(124.866.430)	(17.698.780.620)
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(4.667.996.573)	(6.904.990.279)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

25. CÁC CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	367.570.781.874	315.029.947.482
Trên 1 – 5 năm	284.730.235.302	260.803.373.377
Trên 5 năm	276.056.040	-
TỔNG CỘNG	652.577.073.216	575.833.320.859

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản cam kết trị giá 96.189.615.303 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.476.722.834 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng Cao ốc văn phòng.

26. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận tái cấu trúc để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Vũng Áng II ("VAPCO"). Theo thỏa thuận này, mọi quyền lợi và rủi ro liên quan đến VAPCO đã được chuyển giao cho bên mua vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng này là 153.323.885.510 VND đã được thanh toán toàn bộ bởi bên mua và khoản tiền này sẽ không được hoàn lại trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cũng theo thỏa thuận này, Công ty có khả năng nhận được thêm khoản tiền là 3.779.832 đô-la Mỹ cho việc chuyển nhượng đã nói trên phụ thuộc vào việc xảy ra hoặc không xảy ra của các sự kiện không chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai mà Công ty không hoàn toàn kiểm soát được. Khi thỏa thuận này kết thúc, các bên sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc quyết định không ghi nhận mà chỉ trình bày khoản tài sản tiềm tàng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – "Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng".

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

 <hr/> Nguyễn Thị Huỳnh Phương Người lập	 <hr/> Hồ Trần Diệu Lynh Kế toán trưởng	 <hr/> Nguyễn Thị Mai Thanh Tổng Giám đốc
---	--	---

Ngày 10 tháng 8 năm 2018